

Số: *756* /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *13* tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020
thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh (Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) tại Tờ trình số 16/TTr-VPĐPNTM ngày 07/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí).

Bộ tiêu chí là căn cứ để rà soát, đánh giá thực trạng, mức độ đạt các chỉ tiêu, tiêu chí và xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch thực hiện hằng năm, trung hạn 5 năm trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là Chương trình NTM); là cơ sở để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và xét khen thưởng trong phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể việc đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2017-2020 (thay thế Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh); tham mưu UBND

BỘ TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI (NTM)
GIẢI ĐOẠN 2017-2020 THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn NTM	
			Khu vực 1 ^(*)	Khu vực 2 ^(**)
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ⁽¹⁾ được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tối thiểu 80% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đường GTNT ⁽²⁾ cấp A hoặc cấp B	100% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đường GTNT cấp A hoặc cấp B
		2.2. Đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tối thiểu 50% được bê tông hóa hoặc nhựa hóa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đường GTNT cấp B hoặc cấp C	Tối thiểu 70% được bê tông hóa hoặc nhựa hóa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đường GTNT cấp B hoặc cấp C
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Tối thiểu 50% được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đường GTNT cấp C hoặc cấp D	Tối thiểu 70% được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu đường GTNT cấp C hoặc cấp D
		2.4. Đường trục chính nội đồng ⁽³⁾ (hoặc	Tối thiểu 50% được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn	Tối thiểu 70% được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn

(*) : Khu vực 1: Gồm các xã thuộc các huyện: Nam Trà My, Phước Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Bắc Trà My;

(**) : Khu vực 2: Gồm các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố còn lại.

⁽¹⁾ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

⁽²⁾ Tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn (GTNT) theo quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải: Cấp A: Nền đường rộng tối thiểu 6-6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m; cấp B: Nền đường rộng tối thiểu 4-5m, mặt đường rộng tối thiểu 3-3,5m; cấp C: Nền đường rộng tối thiểu 3-4m, mặt đường rộng tối thiểu 2-3m; cấp D: Nền đường rộng tối thiểu 2m, mặt đường rộng tối thiểu 1,5m.

⁽³⁾ Đường trục chính nội đồng chỉ áp dụng đối với địa phương có cánh đồng lớn (quy mô diện tích cánh đồng lớn quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh) hoặc khu vực

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn NTM	
			Khu vực 1 ^(*)	Khu vực 2 ^(**)
		đường vào khu sản xuất tập trung đối với xã miền núi) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	kỹ thuật tối thiểu đường GTNT cấp B hoặc cấp C	kỹ thuật tối thiểu đường GTNT cấp B hoặc cấp C
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở những khu vực sản xuất tập trung ⁽⁴⁾ , các cánh đồng lớn, cánh đồng dồn điền đổi thửa tổ chức canh tác ổn định được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%	≥ 98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non/mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥ 70%	≥ 80%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân (khu) thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	- Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng hoặc nhà làng truyền thống đảm bảo tối thiểu 100 chỗ ngồi và 01 phòng chức năng; có trồng hoa, cây xanh - Sân thể thao/bóng đá	- Nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng ở các xã thuộc các huyện Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn và xã hải đảo đảm bảo tối thiểu 150 chỗ ngồi và 01 phòng chức năng; các xã thuộc huyện/thị xã/thành phố

Thực hiện dồn điền đổi thửa có diện tích tập trung từ 20 ha trở lên, các khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

⁽⁴⁾ Khu vực sản xuất tập trung nằm trong vùng có quy hoạch phân kỳ đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi trùng với kỹ phân đấu đạt chuẩn xã NTM (không tính diện tích trồng cây lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày, cây gỗ lớn): Là khu vực có diện tích sản xuất liên vùng, có điều kiện tương tự để sản xuất cùng một loại nông sản và đạt diện tích tối thiểu được quy định cụ thể cho từng loại cây trồng: Cây lúa: Lúa giống thuần, nếp: 10 ha (riêng sản xuất hạt lúa lai F1: 05 ha), lúa thương phẩm: 20 ha; cây ngô, lạc, mè và đậu hạt các loại thương phẩm: 05 ha; ngô, lạc, mè, đậu hạt các loại sản xuất giống: 03 ha; cây rau các loại: 2 ha; cây dược liệu: 1 ha; cây công nghiệp ngắn ngày: 5 ha.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn NTM	
			Khu vực 1 ^(*)	Khu vực 2 ^(**)
			xã có chiều dài tối thiểu 90 mét, chiều rộng tối thiểu 45 mét; có trồng cây xanh bóng mát	còn lại đảm bảo tối thiểu 200 chỗ ngồi và 3 phòng chức năng; có trồng hoa, cây xanh - Sân thể thao (bóng đá) xã có chiều dài tối thiểu 90 mét, chiều rộng tối thiểu 45 mét; có trồng cây xanh bóng mát
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ⁽⁵⁾	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa ⁽⁶⁾ hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	<p>- Xã có chợ nằm trong quy hoạch mạng lưới chợ của tỉnh (trong kỳ quy hoạch cùng với kỳ phân đầu đạt chuẩn NTM của xã) đạt chuẩn theo quy định hoặc xã có siêu thị mini/cửa hàng tiện lợi/cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công thương</p> <p>- Xã không có chợ trong quy hoạch mạng lưới chợ của tỉnh hoặc có trong quy hoạch nhưng giai đoạn hiện tại chưa cần đầu tư xây dựng chợ thì không xem xét, đánh giá tiêu chí này.</p>	
		8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Tối thiểu 50% số thôn có hạ tầng kỹ thuật viễn	Tối thiểu 80% số thôn có hạ tầng kỹ thuật viễn

⁽⁵⁾ Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hướng dẫn hoạt động chống đuối nước cho trẻ em; có trang thiết bị phù hợp với nội dung hoạt động. Những xã chưa có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em có thể sử dụng cơ sở vật chất của Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, nhà văn hóa thôn, khu thể thao thôn để bố trí điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

⁽⁶⁾ Nhà văn hóa thôn (hoặc nhà làng truyền thống đối với các xã miền núi cao) thuộc các xã ở các huyện: Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước tối thiểu 80 chỗ ngồi; thuộc các xã ở các huyện: Nam Trà My, Phước Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, thuộc các xã hải đảo và thôn Đồng Me, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc tối thiểu 50 chỗ ngồi và thuộc các xã ở các huyện, thị xã, thành phố còn lại tối thiểu 100 chỗ ngồi; có khu vệ sinh; có trồng hoa, cây xanh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn NTM	
			Khu vực 1 ^(*)	Khu vực 2 ^(**)
8	Thông tin và Truyền thông		thông đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập internet hoặc có phủ sóng 3G/4G hoặc xã có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet	thông đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập internet hoặc có phủ sóng 3G/4G hoặc xã có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	- Có Đài truyền thanh (hữu tuyến hoặc vô tuyến) hoạt động tốt; có Ban Biên tập hoạt động đảm bảo nội dung, chất lượng tin bài phát sóng và tiếp âm đài các cấp theo quy định. - Tối thiểu 70% thôn có hệ thống loa kết nối với Đài Truyền thanh xã hoạt động tốt	- Có Đài truyền thanh (hữu tuyến hoặc vô tuyến) hoạt động tốt; có Ban Biên tập hoạt động đảm bảo nội dung, chất lượng tin bài phát sóng và tiếp âm đài các cấp theo quy định. - 100% thôn có hệ thống loa kết nối với Đài Truyền thanh xã hoạt động tốt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	- Có trang thông tin điện tử của xã hoặc có trang thông tin điện tử thành phần trên trang thông tin điện tử cấp huyện; có sử dụng chung phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của huyện (Q-office) trong chỉ đạo, điều hành; - Đảng ủy xã, HDND xã, UBND xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã có máy vi tính, máy in, máy scan kết nối mạng phục vụ công tác (trong đó tối thiểu 01 máy scan dùng chung cho xã); tối thiểu 60% cán bộ, công chức xã có máy vi tính để làm việc chuyên môn, thực hiện nhận/gửi văn	- Có trang thông tin điện tử của xã hoặc có trang thông tin điện tử thành phần trên trang thông tin điện tử cấp huyện; có sử dụng chung phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của huyện (Q-office) trong chỉ đạo, điều hành; - Đảng ủy xã, HĐND xã, UBND xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã có máy vi tính, máy in, máy scan kết nối mạng phục vụ công tác (trong đó tối thiểu 01 máy scan dùng chung cho xã); tối thiểu 70% cán bộ, công chức xã có máy vi tính để làm việc chuyên môn, thực hiện nhận/gửi văn

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn NTM	
			Khu vực 1 ^(*)	Khu vực 2 ^(**)
			bản chỉ đạo điều hành qua mạng internet: Qua thư điện tử (email), qua trang thông tin điện tử của xã/huyện qua phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (Q-office)	bản chỉ đạo điều hành qua mạng internet: Qua thư điện tử (email), qua trang thông tin điện tử của xã/huyện qua phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (Q-office)
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 75%	≥ 80%
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người/năm)	- Năm 2017: ≥ 26 - Năm 2018: ≥ 30 - Năm 2019: ≥ 33 - Năm 2020: ≥ 36	- Năm 2017: ≥ 31 - Năm 2018: ≥ 35 - Năm 2019: ≥ 38 - Năm 2020: ≥ 41
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 12%	≤ 5%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%	≥ 90%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt	≥ 70%	≥ 85%



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn NTM	
			Khu vực 1 ^(*)	Khu vực 2 ^(**)
		ngành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)		
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 25%	≥ 40%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%	≥ 85 %
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 26,7%	≤ 24,2%
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥ 70%	≥ 70%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥ 90% nước hợp vệ sinh, trong đó ≥ 50% nước sạch	≥ 95% nước hợp vệ sinh, trong đó ≥ 60% nước sạch
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	<ul style="list-style-type: none"> - Có nghĩa trang nằm trong quy hoạch xã NTM (hoặc quy hoạch vùng đối với 2-3 xã quy hoạch 01 nghĩa trang) được xây dựng để thực hiện việc chôn cất phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán, hương ước của địa phương, làng, xóm; phù hợp truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại, không phô trương, lãng phí; - Có quy chế quản lý nghĩa trang được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt. 	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn NTM	
			Khu vực 1 ^(*)	Khu vực 2 ^(**)
		khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁽⁷⁾	≥ 70%	≥ 85%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi ⁽⁸⁾ đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 60%	≥ 75%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia	Đạt	Đạt

⁽⁷⁾ Đảm bảo 3 sạch gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động)

⁽⁸⁾ Xử lý chất thải bằng: Hầm biogas hoặc đệm lót sinh học hoặc các biện pháp xử lý khác như hồ thu gom/hầm tiêu có nắp đậy...;

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn NTM	
			Khu vực 1 ^(*)	Khu vực 2 ^(**)
		đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt

* Xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2017-2020: Ngoài đạt chuẩn 19 tiêu chí nêu trên thì phải có ít nhất 01 thôn đạt chuẩn “Khu dân cư NTM kiểu mẫu” theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 và Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh và không có nợ đọng xây dựng cơ bản trái quy định, không có khả năng thanh toán.